



東華三院邱子田紀念中學
TWGHs Yau Tze Tin Memorial College

通告編號：2425/SA364/G00/ECA/TCS

活動編號：ECA-2425-222

致：參與有關活動的學生及其家長

各位家長：

2025-2026 年度新界中學校際沙灘排球賽

貴子弟將代表本校於 21/04/2025 (星期一) 進行新界中學校際沙灘排球賽初賽，如於初賽各場全部獲勝，決賽則於 03/05/2025 (星期六)，賽程由學體會稍後公佈。參賽同學需於每場比賽時間前一小時到達比賽場地，敬希垂注。附件為賽程表供參考，比賽詳情如下：

比賽	
項目	2025-2026 年度新界中學校際沙灘排球賽
參與同學	3A：林臻怡 3B：楊曉縈 3C：黎家晴、陳嘉瑤 3D：丘雯慧 4A：林芊攸 5D：盧凱琳、朱依桐
日期	二零二五年四月二十一日 (星期一)
地點	新咖啡灣泳灘
集合地點	新咖啡灣泳灘
集合時間	下午一時十五分
解散地點	新咖啡灣泳灘
解散時間	約下午五時
交通安排	學生自行前往及離開比賽場地
負責老師	崔翠珊老師
備註	附件一為比賽詳細賽程供家長查閱相關的比賽時間及地點

煩請家長於二零二五年四月二十日或之前填妥電子回條。如對上述活動有任何查詢，請致電 2465-2205 聯絡負責老師。

特此通告



東華三院邱子田紀念中學校長
葉偉儀謹啟

Tel : 2465 2205, 2467 4548 Fax : 2455 9466

1 Siu Hong Road, Siu Hong Court, Tuen Mun, N.T., Hong Kong

中國香港學界體育聯會
2024-2025年度新界地域中學校際沙灘排球比賽
賽程表

場次	日期	開賽時間	組別	對賽隊伍	第一局比分	第二局比分	第三局比分	成績	地點
1	21/4/2025 (一Mon)	0830	女子 G-A	G-A1 聖芳濟各 SFAC 對 基元 CCKY G-A2					新咖啡灣泳灘排球場 (C a f e t e r i a N e w B e a c h)
2			女子 G-B	G-B1 顧超文 KCM 對 曾肇添 SKHTST G-B2					
3		0850	女子 G-C	G-C1 楊葛小琳 LSTYKHL 對 梁省德 LSTC G-C2					
4			女子 G-D	G-D1 李嘉誠 LKS 對 伊中舊生會 QESOSA G-D2					
5		0910	女子 G-A	G-A3 安柱 CNECCC 對 基元 CCKY G-A2					
6			女子 G-B	G-B3 盧幹庭 LKT 對 曾肇添 SKHTST G-B2					
7		0930	女子 G-C	G-C3 崇真 TTC 對 梁省德 LSTC G-C2					
8			女子 G-D	G-D3 梁文燕 HLMSS 對 伊中舊生會 QESOSA G-D2					
9		0950	女子 G-A	G-A1 聖芳濟各 SFAC 對 安柱 CNECCC G-A3					
10			女子 G-B	G-B1 顧超文 KCM 對 盧幹庭 LKT G-B3					
11		1010	女子 G-C	G-C1 楊葛小琳 LSTYKHL 對 崇真 TTC G-C3					
12			女子 G-D	G-D1 李嘉誠 LKS 對 梁文燕 HLMSS G-D3					
13		1030	女子 G-E	G-E1 青年會書院 YMCA 對 陳兆民 CZM G-E2					
14			女子 G-F	G-F1 浸呂明才 BLMCSS 對 仁濟二中 YCH2 G-F2					
15		1050	女子 G-G	G-G1 元朗信義 YLLSS 對 林漢光 PLHKS G-G2					
16			女子 G-H	G-H1 聖羅撒 SRL 對 沈香林 SHLMC G-H2					
17		1110	女子 G-E	G-E3 粉陳震夏 CFCCH 對 陳兆民 CZM G-E2					
18			女子 G-F	G-F3 心誠 FLSS 對 仁濟二中 YCH2 G-F2					
19		1130	女子 G-G	G-G3 呂祥光 LCK 對 林漢光 PLHKS G-G2					
20			女子 G-H	G-H3 荔天 LKCSS 對 沈香林 SHLMC G-H2					
21		1150	女子 G-E	G-E1 青年會書院 YMCA 對 粉陳震夏 CFCCH G-E3					
22			女子 G-F	G-F1 浸呂明才 BLMCSS 對 心誠 FLSS G-F3					
23		1210	女子 G-G	G-G1 元朗信義 YLLSS 對 呂祥光 LCK G-G3					
24			女子 G-H	G-H1 聖羅撒 SRL 對 荔天 LKCSS G-H3					
25		1400	女子 G-J	G-J1 鄭植之 CCCSS 對 明愛聖若瑟 CSJSS G-J2					
26			女子 G-K	G-K1 趙聿修 CLSMSS 對 鄧顯 THMSS G-K2					
27		1420	女子 G-L	G-L1 恩主教 VC 對 郭一葦 KYWC G-L2					
28			女子 G-M	G-M1 邱子田 YTTMC 對 劉梅軒 LMHSS G-M2					
29		1440	女子 G-N	G-N1 鍾榮光 CWK 對 沙田培英 SPYC G-N2					
30			女子 G-P	G-P1 可風 HFC 對 全完 CYC G-P2					
31		1500	女子 G-J	G-J3 天水圍循道 TSWMC 對 明愛聖若瑟 CSJSS G-J2					
32			女子 G-K	G-K3 培基 SPKC 對 鄧顯 THMSS G-K2					
33		1520	女子 G-L	G-L3 葵涌循道 KCMC 對 郭一葦 KYWC G-L2					
34			女子 G-M	G-M3 沙田官中 STGSS 對 劉梅軒 LMHSS G-M2					
35		1540	女子 G-N	G-N3 莫壽增 MST 對 沙田培英 SPYC G-N2					
36			女子 G-P	G-P3 陳融 CYSS 對 全完 CYC G-P2					
37		1600	女子 G-J	G-J1 鄭植之 CCCSS 對 天水圍循道 TSWMC G-J3					
38			女子 G-K	G-K1 趙聿修 CLSMSS 對 培基 SPKC G-K3					
39		1620	女子 G-L	G-L1 恩主教 VC 對 葵涌循道 KCMC G-L3					
40			女子 G-M	G-M1 邱子田 YTTMC 對 沙田官中 STGSS G-M3					
41		1640	女子 G-N	G-N1 鍾榮光 CWK 對 莫壽增 MST G-N3					
42			女子 G-P	G-P1 可風 HFC 對 陳融 CYSS G-P3					

中國香港學界體育聯會
2024-2025年度新界地域中學校際沙灘排球比賽
賽程表

場次	日期	開賽時間	組別	對賽隊伍	第一局比分	第二局比分	第三局比分	成績	地點
43	22/4/2025 (二Tue)	0830	女子 G-Q	G-Q1 沙田蘇浙 KCC 對 風采 EC G-Q2					新咖啡灣泳灘排球場 (C a f e t e r i a N e w B e a c h)
44			女子 G-R	G-R1 李兆基 LSKC 對 萬鈞毅智 JCMKEC G-R2					
45		0850	女子 G-S	G-S1 佛教茂峰 BMFMC 對 保良八三 PLK83 G-S2					
46			女子 G-T	G-T1 郭得勝 KTSCSS 對 董玉娣 TYTC G-T2					
47		0910	女子 G-Q	G-Q3 梁植偉 LCW 對 風采 EC G-Q2					
48			女子 G-R	G-R3 潮州會館 CCASS 對 萬鈞毅智 JCMKEC G-R2					
49		0930	女子 G-S	G-S3 西門英才 GSLC 對 保良八三 PLK83 G-S2					
50			女子 G-T	G-T3 羅桂祥 KSLO 對 董玉娣 TYTC G-T2					
51		0950	女子 G-Q	G-Q1 沙田蘇浙 KCC 對 梁植偉 LCW G-Q3					
52			女子 G-R	G-R1 李兆基 LSKC 對 潮州會館 CCASS G-R3					
53		1010	女子 G-S	G-S1 佛教茂峰 BMFMC 對 西門英才 GSLC G-S3					
54			女子 G-T	G-T1 郭得勝 KTSCSS 對 羅桂祥 KSLO G-T3					
55		1030	女子 G-U	G-U1 燕京 YC 對 五育 NYSS G-U2					
56			女子 G-V	G-V1 白約翰 BBSS 對 東天 TCCS G-V2					
57		1050	女子 G-W	G-W1 浸附中 HKBUAS 對 天水圍官中 TSWGSS G-W2					
58			女子 G-X	G-X1 沙田循道 STMC 對 元裘錦秋 JCCYL G-X2					
59		1110	女子 G-U	G-U3 宣道 CAC 對 五育 NYSS G-U2					
60			女子 G-V	G-V3 陳楷 POHCKMC 對 東天 TCCS G-V2					
61		1130	女子 G-W	G-W3 何傳耀 HCYMC 對 天水圍官中 TSWGSS G-W2					
62			女子 G-X	G-X3 圓玄二中 YYNo.2 對 元裘錦秋 JCCYL G-X2					
63		1150	女子 G-U	G-U1 燕京 YC 對 宣道 CAC G-U3					
64			女子 G-V	G-V1 白約翰 BBSS 對 陳楷 POHCKMC G-V3					
65		1210	女子 G-W	G-W1 浸附中 HKBUAS 對 何傳耀 HCYMC G-W3					
66			女子 G-X	G-X1 沙田循道 STMC 對 圓玄二中 YYNo.2 G-X3					
67		1400	女子 G-Y	G-Y1 粉嶺救恩 FKYC 對 培僑 PKC G-Y2					
68			女子 G-Z	G-Z1 陳瑞芝 CSCMC 對 胡漢輝 WHFSS G-Z2					
69		1420	女子 G-AA	G-AA1 禮賢會 FRCSS 對 馬登 CTM G-AA2					
70			女子 G-BB	G-BB1 羅定邦 LTPSS 對 體藝 JCTIC G-BB2					
71		1440	女子 G-CC	G-CC1 孫方中 SFCC 對 沙田崇真 STSS G-CC2					
72			女子 G-DD	G-DD1 林大輝 LTFC 對 田家炳 TKPSS G-DD2					
73		1500	女子 G-Y	G-Y3 青年會中學 YMCA 對 培僑 PKC G-Y2					
74			女子 G-Z	G-Z3 元陳震夏 CYS 對 胡漢輝 WHFSS G-Z2					
75	1520	女子 G-AA	G-AA3 鄭榮之 CACWGC 對 馬登 CTM G-AA2						
76		女子 G-BB	G-BB3 可道 HDC 對 體藝 JCTIC G-BB2						
77	1540	女子 G-CC	G-CC3 愛禮信 CAL 對 沙田崇真 STSS G-CC2						
78		女子 G-DD	G-DD3 耀道 YDSS 對 田家炳 TKPSS G-DD2						
79	1600	女子 G-Y	G-Y1 粉嶺救恩 FKYC 對 青年會中學 YMCA G-Y3						
80		女子 G-Z	G-Z1 陳瑞芝 CSCMC 對 元陳震夏 CYS G-Z3						
81	1620	女子 G-AA	G-AA1 禮賢會 FRCSS 對 鄭榮之 CACWGC G-AA3						
82		女子 G-BB	G-BB1 羅定邦 LTPSS 對 可道 HDC G-BB3						
83	1640	女子 G-CC	G-CC1 孫方中 SFCC 對 愛禮信 CAL G-CC3						
84		女子 G-DD	G-DD1 林大輝 LTFC 對 耀道 YDSS G-DD3						

中國香港學界體育聯會
2024-2025年度新界地域中學校際沙灘排球比賽
賽程表

場次	日期	開賽時間	組別	對賽隊伍	第一局比分	第二局比分	第三局比分	成績	地點
85	23/4/2025 (三Wed)	0830	男子 B-A	B-A1 聖芳濟各 SFAC 對 沙田崇真 STTSS B-A2					新咖啡灣泳灘排球場 (C a f e t e r i a N e w B e a c h)
86			男子 B-B	B-B1 佛教茂峰 BMFMC 對 青年會書院 YMCA B-B2					
87		0850	男子 B-C	B-C1 ICHK 對 黃楚標 WCBSS B-C2					
88			男子 B-D	B-D1 西門英才 GSLC 對 李嘉誠 LKS B-D2					
89		0910	男子 B-A	B-A3 全完 CYC 對 沙田崇真 STTSS B-A2					
90			男子 B-B	B-B3 圓玄二中 YYNo.2 對 青年會書院 YMCA B-B2					
91		0930	男子 B-C	B-C3 萬鈞伯裘 MKPC 對 黃楚標 WCBSS B-C2					
92			男子 B-D	B-D3 沙田培英 SPYC 對 李嘉誠 LKS B-D2					
93		0950	男子 B-A	B-A1 聖芳濟各 SFAC 對 全完 CYC B-A3					
94			男子 B-B	B-B1 佛教茂峰 BMFMC 對 圓玄二中 YYNo.2 B-B3					
95		1010	男子 B-C	B-C1 ICHK 對 萬鈞伯裘 MKPC B-C3					
96			男子 B-D	B-D1 西門英才 GSLC 對 沙田培英 SPYC B-D3					
97		1030	男子 B-E	B-E1 浸附中 HKBUAS 對 田家炳 TKPSS B-E2					
98			男子 B-F	B-F1 禮賢會 FRCSS 對 元朗信義 YLSS B-F2					
99		1050	男子 B-G	B-G1 莫壽增 MST 對 沈香林 SHLMC B-G2					
100			男子 B-H	B-H1 陳瑞芝 CSCMC 對 荔天 LKCSS B-H2					
101		1110	男子 B-E	B-E3 羅定邦 LTPSS 對 田家炳 TKPSS B-E2					
102			男子 B-F	B-F3 德信 TSSS 對 元朗信義 YLSS B-F2					
103		1130	男子 B-G	B-G3 馮黃鳳亭 FWFT 對 沈香林 SHLMC B-G2					
104			男子 B-H	B-H3 沙田蘇浙 KCC 對 荔天 LKCSS B-H2					
105		1150	男子 B-E	B-E1 浸附中 HKBUAS 對 羅定邦 LTPSS B-E3					
106			男子 B-F	B-F1 禮賢會 FRCSS 對 德信 TSSS B-F3					
107		1210	男子 B-G	B-G1 莫壽增 MST 對 馮黃鳳亭 FWFT B-G3					
108			男子 B-H	B-H1 陳瑞芝 CSCMC 對 沙田蘇浙 KCC B-H3					
109		1400	男子 B-J	B-J1 鄭植之 CCCSS 對 伊中舊生會 QESOSA B-J2					
110			男子 B-K	B-K1 粉陳震夏 CFCCH 對 培僑 PKC B-K2					
111	1420	男子 B-L	B-L1 萬鈞毅智 JCMKEC 對 心誠 FLSS B-L2						
112		男子 B-M	B-M1 風采 EC 對 邱金元 YKYC B-M2						
113	1440	男子 B-N	B-N1 靈風 LSC 對 陳楷 POHCKMC B-N2						
114		男子 B-P	B-P1 梁省德 LGCTGC 對 白約翰 BBSS B-P2						
115	1500	男子 B-J	B-J3 陳融 CYSS 對 伊中舊生會 QESOSA B-J2						
116		男子 B-K	B-K3 耀道 YDSS 對 培僑 PKC B-K2						
117	1520	男子 B-L	B-L3 東天 TCCS 對 心誠 FLSS B-L2						
118		男子 B-M	B-M3 方潤華 FYW 對 邱金元 YKYC B-M2						
119	1540	男子 B-N	B-N3 元陳震夏 CYS 對 陳楷 POHCKMC B-N2						
120		男子 B-P	B-P3 馬崇真 MOSTT 對 白約翰 BBSS B-P2						
121	1600	男子 B-J	B-J1 鄭植之 CCCSS 對 陳融 CYSS B-J3						
122		男子 B-K	B-K1 粉陳震夏 CFCCH 對 耀道 YDSS B-K3						
123	1620	男子 B-L	B-L1 萬鈞毅智 JCMKEC 對 東天 TCCS B-L3						
124		男子 B-M	B-M1 風采 EC 對 方潤華 FYW B-M3						
125	1640	男子 B-N	B-N1 靈風 LSC 對 元陳震夏 CYS B-N3						
126		男子 B-P	B-P1 梁省德 LGCTGC 對 馬崇真 MOSTT B-P3						

中國香港學界體育聯會
2024-2025年度新界地域中學校際沙灘排球比賽
賽程表

場次	日期	開賽時間	組別	對賽隊伍	第一局比分	第二局比分	第三局比分	成績	地點
127	24/4/2025 (四Thu)	0830	男子 B-Q	B-Q1 五育 NYSS 對 愛禮信 CAL B-Q2					新咖啡灣泳灘排球場 (C a f e t e r i a N e w B e a c h)
128			男子 B-R	B-R1 元裘錦秋 JCCYL 對 林漢光 PLHKS B-R2					
129		0850	男子 B-S	B-S1 楊葛小琳 LSTYKHL 對 董玉娣 TYTC B-S2					
130			男子 B-T	B-T1 李賢堯 LIYMSS 對 林大輝 LTFC B-T2					
131		0910	男子 B-Q	B-Q3 盧幹庭 LKT 對 愛禮信 CAL B-Q2					
132			男子 B-R	B-R3 鍾榮光 CWK 對 林漢光 PLHKS B-R2					
133		0930	男子 B-S	B-S3 基元 CCKY 對 董玉娣 TYTC B-S2					
134			男子 B-T	B-T3 劉梅軒 LMHSS 對 林大輝 LTFC B-T2					
135		0950	男子 B-Q	B-Q1 五育 NYSS 對 盧幹庭 LKT B-Q3					
136			男子 B-R	B-R1 元裘錦秋 JCCYL 對 鍾榮光 CWK B-R3					
137		1010	男子 B-S	B-S1 楊葛小琳 LSTYKHL 對 基元 CCKY B-S3					
138			男子 B-T	B-T1 李賢堯 LIYMSS 對 劉梅軒 LMHSS B-T3					
139		1030	男子 B-U	B-U1 崇真 TTC 對 羅桂祥 KSLO B-U2					
140			男子 B-V	B-V1 孫方中 SFCC 對 沙田循道 STMC B-V2					
141		1050	男子 B-W	B-W1 顧超文 KCM 對 培基 SPKC B-W2					
142			男子 B-X	B-X1 明愛聖若瑟 CSJSS 對 郭得勝 KTSCSS B-X2					
143		1110	男子 B-U	B-U3 體藝 JCTIC 對 羅桂祥 KSLO B-U2					
144			男子 B-V	B-V3 陳呂重德 CLCT 對 沙田循道 STMC B-V2					
145		1130	男子 B-W	B-W3 宣道 CAC 對 培基 SPKC B-W2					
146			男子 B-X	B-X3 天水圍官中 TSWGSS 對 郭得勝 KTSCSS B-X2					
147		1150	男子 B-U	B-U1 崇真 TTC 對 體藝 JCTIC B-U3					
148			男子 B-V	B-V1 孫方中 SFCC 對 陳呂重德 CLCT B-V3					
149		1210	男子 B-W	B-W1 顧超文 KCM 對 宣道 CAC B-W3					
150			男子 B-X	B-X1 明愛聖若瑟 CSJSS 對 天水圍官中 TSWGSS B-X3					
151		1400	男子 B-Y	B-Y1 曾肇添 SKHTST 對 可風 HFC B-Y2					
152			男子 B-Z	B-Z1 郭一葦 KYWC 對 鄧顯 THMSS B-Z2					
153		1420	男子 B-AA	B-AA1 呂明才 SSLMC 對 沙田官中 STGSS B-AA2					
154			男子 B-BB	B-BB1 梁文燕 HLMSS 對 翁祐 YYC B-BB2					
155		1440	男子 B-CC	B-CC1 粉嶺救恩 FKYC 對 陳兆民 CZM B-CC2					
156			男子 B-DD	B-DD1 仁濟二中 YGCH2 對 大光慈航 BTKCHC B-DD2					
157		1500	男子 B-Y	B-Y3 馬登 CTM 對 可風 HFC B-Y2					
158			男子 B-Z	B-Z3 中大陳震夏 CUCCH 對 鄧顯 THMSS B-Z2					
159	1520	男子 B-AA	B-AA3 燕京 YC 對 沙田官中 STGSS B-AA2						
160		男子 B-BB	B-BB3 安柱 CNECCC 對 翁祐 YYC B-BB2						
161	1540	男子 B-CC	B-CC3 浸呂明才 BLMCSS 對 陳兆民 CZM B-CC2						
162		男子 B-DD	B-DD3 天水圍循道 TSWMC 對 大光慈航 BTKCHC B-DD2						
163	1600	男子 B-Y	B-Y1 曾肇添 SKHTST 對 馬登 CTM B-Y3						
164		男子 B-Z	B-Z1 郭一葦 KYWC 對 中大陳震夏 CUCCH B-Z3						
165	1620	男子 B-AA	B-AA1 呂明才 SSLMC 對 燕京 YC B-AA3						
166		男子 B-BB	B-BB1 梁文燕 HLMSS 對 安柱 CNECCC B-BB3						
167	1640	男子 B-CC	B-CC1 粉嶺救恩 FKYC 對 浸呂明才 BLMCSS B-CC3						
168		男子 B-DD	B-DD1 仁濟二中 YGCH2 對 天水圍循道 TSWMC B-DD3						